

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

IDENTIFYING THE FACTORS AFFECTING TAX COMPLIANCE OF ENTERPRISES:
A CASE STUDY OF QUANG NGAI PROVINCE

Ngày nhận bài: 22/04/2021

Ngày chấp nhận đăng: 16/06/2021

Nguyễn Thanh Phương Thảo

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Quảng Ngãi. Thực hiện khảo sát 464 doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi, chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy có 06 nhân tố có ảnh hưởng, xếp theo thứ tự giảm dần mức độ ảnh hưởng như sau: Chế tài khi không tuân thủ, năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế, hệ thống chính sách thuế, công tác thanh tra – kiểm tra về thuế, thuế suất, sự hiểu biết của doanh nghiệp về thuế; trong đó chỉ có nhân tố thuế suất có ảnh hưởng ngược chiều đến sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Để nâng cao mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp, cần tăng cường hiệu lực trong việc áp dụng các chế tài đối với các doanh nghiệp không tuân thủ thuế, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý thuế, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, tăng cường công tác thanh tra – kiểm tra về thuế, giảm thuế suất một số loại thuế cho doanh nghiệp, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế cho các doanh nghiệp.

Từ khóa: Thuế, tuân thủ thuế, cơ quan thuế, doanh nghiệp, hệ thống chính sách thuế

ABSTRACT

The study aims to determine the factors and the degree of influence of each factor on the tax compliance of enterprises in Quang Ngai. Currently surveyed 464 enterprises in Quang Ngai province, selected utility model according to non-probability sampling. The results show that there are 06 influential factors, ranked in descending order of influence such as: Tax avoidance sanction, operational capacity of local tax authorities, tax policy, tax inspection - tax examination, tax rates, corporate understanding of tax; in that only the tax rates opposite to the tax compliance. In order to improve tax compliance of businesses, it is necessary to increase the effectiveness in applying regimes to non-tax-compliant businesses, improve the capacity of tax administration agencies and perfect tax policies system, strengthen tax inspection - examination, reduce tax rates on some enterprises, and strengthen propaganda and education on tax law for enterprises.

Key Words: Taxes, tax compliance, tax authority, businesses, enterprises, tax policy systems.

1. Giới thiệu

Thuế là nguồn thu chủ yếu tạo nên ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp và cá nhân đều có nghĩa vụ phải nộp thuế để Chính phủ duy trì hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, đầu tư cơ sở hạ tầng, chăm lo phúc lợi, an sinh xã hội ... Để thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế, Chính phủ đã lập ra Ngành thuế với nhiệm vụ chủ yếu là quản lý hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế của các doanh nghiệp và cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, việc các đối

tượng nộp thuế (doanh nghiệp và cá nhân), mà chủ yếu là các doanh nghiệp có hành vi trốn thuế, khai báo thuế không trung thực, cố tình tìm cách nợ thuế ... hay nói một cách chung nhất là có hành vi không tuân thủ thuế vẫn diễn ra phổ biến ở nước ta trong những năm qua. Theo số liệu thống kê mới nhất của Tổng

Nguyễn Thanh Phương Thảo, Trường Đại học Tài chính - Kế toán

Cục thuế¹, trong giai đoạn 2010-2018, qua công tác thanh tra, kiểm tra của ngành thuế đã phát hiện có tổng số 642.423 doanh nghiệp vi phạm quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước là 35.922,09 tỷ đồng. Trong suốt giai đoạn này, số doanh nghiệp vi phạm tăng mạnh, từ 31.759 doanh nghiệp năm 2010 lên 103.211 doanh nghiệp năm 2017 và 95.936 doanh nghiệp năm 2018. Điều này có thể một phần phản ánh năng lực quản lý thuế chưa hiệu quả và trách nhiệm tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế còn thấp, gây thất thu Ngân sách Nhà nước.

Tại tỉnh Quảng Ngãi hiện có 12.492 doanh nghiệp đang hoạt động (doanh nghiệp do cơ quan thuế của tỉnh Quảng Ngãi quản lý về thuế), tình trạng nợ thuế, trốn thuế ... của các doanh nghiệp cũng diễn ra phổ biến trong những năm gần đây. Theo Cục thuế Quảng Ngãi, đến 30/6/2019, tổng số nợ thuế cơ quan thuế đang quản lý là 590,3 tỷ đồng, trong đó, nợ khó thu là 226,8 tỷ đồng, nợ có khả năng thu là 363,5 tỷ đồng²; tính đến cuối năm 2019 có đến 34 doanh nghiệp nợ thuế với giá trị tiền nợ thuế, tiền phạt lên đến gần 40 tỷ đồng³, điển hình như: Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi, nợ trên 10,1 tỷ đồng; tiếp đến là Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Dung Quất, nợ trên 3,8 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Phúc Lộc Quảng Ngãi, nợ trên 3,2 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi, nợ trên 3,2 tỷ đồng... Mới đây, qua thanh tra đã xác định số tiền thuế truy thu từ Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi là 5,078 tỷ đồng; Cục thuế Quảng Ngãi đã ra quyết định xử phạt và

truy thu hơn 5,57 tỷ đồng tiền thuế đối với Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi vì vi phạm hành chính về thuế⁴.

Như vậy, tình trạng các chủ thể nộp thuế mà chủ yếu là các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước nói chung, tỉnh Quảng Ngãi nói riêng đang tìm cách trốn thuế, nợ thuế ... diễn ra khá phổ biến trong những năm gần đây mà cách thức trốn thuế, tìm cách nợ thuế ngày càng tinh vi, khó phát hiện và giá trị thất thoát ngân sách nhà nước từ thất thu thuế, nợ đọng thuế đang có xu hướng ngày càng tăng. Vì thế, việc nghiên cứu, tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các gợi ý chính sách góp phần ngăn chặn, khắc phục tình trạng trên hay nâng cao mức độ tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trong thời gian đến là rất cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Tuân thủ thuế đề cập đến sự sẵn lòng của người nộp thuế tuân theo các quy định pháp luật về thuế bằng việc thực hiện các nghĩa vụ về thuế (Peter và Dijke, 2007). Phạm vi tuân thủ thuế gồm việc báo cáo các khoản thu nhập và thanh toán các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật và các quyết định của tòa án (Alm, 1991). Hành vi tuân thủ thuế điển hình thể hiện ở việc khai báo đúng thu nhập tính thuế, thực hiện đúng các nghĩa vụ pháp lý về thuế, khai báo thu nhập đúng hạn và thanh toán kịp thời số tiền thuế khi tới hạn (Franzoni, 1999). Tuân thủ thuế là hành vi chấp hành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo đúng mục đích của luật một cách đầy đủ, tự nguyện và đúng thời gian (Nguyễn Thị Lệ Thúy, 2011).

¹ Báo cáo tình hình các doanh nghiệp vi phạm quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Cục thuế tại Hội thảo công bố kết quả nghiên cứu "Trốn và tránh thuế của thuế thu nhập doanh nghiệp FDI tại Việt Nam" (Hội thảo do Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VERP) tổ chức ngày 28/4/2020).

² <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2019-07-09/quang-ngai-985-ty-dong-no-dong-thue-duoc-thu-nop-ngan-sach-73670.aspx>

³ <http://beta.daidoanket.vn/quang-ngai-cong-khai-34-doanh-nghiep-no-thue-453786.html>

⁴ <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/cong-ty-co-phan-duong-quang-ngai-bi-xu-phat-va-truy-thu-hon-55-ty-dong-tien-thue-319280.html>

Cho đến nay, đã có nhiều tác giả trong và ngoài nước thực hiện các nghiên cứu liên quan đến việc tuân thủ thuế của doanh nghiệp, như M. N. Thiga và W. Muturi (2015), F. Inasius (2015), Nguyễn Thị Thùy Dung (2014), Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu (2015), Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017) ... Trong đó, các tác giả chỉ ra một số nhân tố chủ yếu có ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp như: Chế tài khi không tuân thủ (M. N. Thiga và W. Muturi, 2015; Nguyễn Thị Thùy Dung, 2014; Bùi Ngọc Toàn, 2017; Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 2017; Nguyễn Thanh Phương Thảo, 2017), hệ thống chính sách thuế (Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu, 2015; Trần Thị Ánh Tuyết, 2016; Nguyễn Thanh Phương Thảo, 2017; Bùi Ngọc Toàn, 2017), thuế suất (M. N. Thiga và W. Muturi, 2015; Nguyễn Thanh Phương Thảo, 2017; Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 2017), năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế (Nguyễn Thị Thùy Dung, 2014; Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu, 2015; Bùi Ngọc Toàn, 2017; Nguyễn Thanh Phương Thảo, 2017; Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 2017), sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp (M. N. Thiga và W. Muturi, 2015; F. Inasius, 2015; Nguyễn Thanh Phương Thảo, 2017), công tác thanh tra – kiểm tra về thuế (Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 2017; Bùi Ngọc Toàn, 2017; Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu, 2015).

Trên cơ sở tổng hợp trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp dùng kiểm định đối với các doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi (chỉ kiểm định đối với các doanh nghiệp do cơ quan thuế của tỉnh Quảng Ngãi quản lý về thuế) gồm 06 nhân tố: Chế tài khi không tuân thủ, hệ thống chính sách thuế, thuế suất, năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế, sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp, công tác thanh tra – kiểm tra về thuế. Từ đó, xây dựng các giả thuyết nghiên cứu như sau: Nhân tố chế tài khi không tuân thủ, hệ thống chính sách thuế, năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế, sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp, công tác thanh tra – kiểm tra về thuế có ảnh hưởng cùng chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp và nhân tố thuế suất có ảnh hưởng ngược chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Hệ thống thang đo của các thành phần trong mô hình nghiên cứu đề xuất được phát triển dựa trên cơ sở tham khảo thang đo các nhân tố cùng nội dung đánh giá (hoặc tương đồng về nội dung đánh giá) của các nghiên cứu đã tổng hợp, đo lường bằng thang đo Likert với 05 mức đánh giá từ “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý”. Kết quả phát triển thang đo được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1: Tổng hợp kết quả phát triển thang đo

Nhân tố	Nội dung biến đo lường	Nguồn tham khảo
Chế tài khi không tuân thủ thuế	1. Mức tiền phạt nếu trốn thuế là rất cao	Nguyễn Thị Thùy Dung (2014), Bùi Ngọc Toàn (2017), Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017), Nguyễn Thanh Phương Thảo (2017)
	2. Các hình phạt nếu không tuân thủ các quy định về thuế đối với doanh nghiệp là rất nặng	
	3. Doanh nghiệp tìm cách nợ thuế nếu bị cơ quan quản lý thuế phát hiện xử phạt theo quy định sẽ tốn chi phí nhiều hơn là nộp thuế đúng hạn	
	4. Doanh nghiệp sẽ bị chính quyền địa phương xem xét, không được tiếp tục hưởng các chính sách ưu đãi (nếu có) sau khi bị phát hiện có hành vi không tuân thủ các quy định về thuế	

	5. Doanh nghiệp sẽ bị cơ quan thuế “quan tâm” nhiều hơn sau khi bị phát hiện có hành vi không tuân thủ các quy định về thuế 6. Doanh nghiệp sẽ bị công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về hành vi không tuân thủ các quy định về thuế	
Hệ thống chính sách thuế	1. Hệ thống thuế của Việt Nam đơn giản, dễ hiểu cho các doanh nghiệp 2. Nhà nước ngày càng đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khai báo và nộp thuế 3. Hệ thống thuế của Việt Nam đánh thuế công bằng đối với mọi đối tượng chịu thuế 4. Các chính sách miễn, giảm các loại thuế hiện nay là công bằng 5. Các chính sách ưu đãi về thuế ổn định (đủ dài về thời gian) giúp doanh nghiệp chủ động và thuận lợi trong việc đầu tư	Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu (2015), Trần Thị Ánh Tuyết (2016), Nguyễn Thanh Phương Thảo (2017), Bùi Ngọc Toàn (2017)
Thế suất	1. Thuế suất các loại thuế doanh nghiệp phải nộp là khá cao 2. Việc giảm thuế suất một số loại thuế thường được thực hiện chậm hơn so với lộ trình đã công bố 3. Trong những năm gần đây, có nhiều loại thuế đã tăng thuế suất khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn	Thiga và Muturi (2015), Nguyễn Thanh Phương Thảo (2017)
Năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế	1. Cơ quan thuế tính toán chính xác các khoản thuế cho doanh nghiệp 2. Cơ quan thuế kiểm tra, giám sát việc khai báo và nộp thuế của doanh nghiệp rất chặt chẽ 3. Cơ quan thuế kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp rất công tâm 4. Cơ quan thuế giải quyết các thủ tục về khai báo và nộp thuế cho doanh nghiệp đúng thời hạn quy định 5. Cơ quan thuế thông báo kịp thời các sai sót, lỗi trong khai báo nộp thuế của doanh nghiệp 6. Rất khó để doanh nghiệp trốn thuế, nợ thuế vì cơ quan thuế sẽ phát hiện ngay	Nguyễn Thị Thùy Dung (2014), Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu (2015), Bùi Ngọc Toàn (2017), Nguyễn Thanh Phương Thảo (2017)
Sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp	1. Doanh nghiệp am hiểu rõ các loại thuế và thuế suất từng loại thuế mà doanh nghiệp phải nộp 2. Doanh nghiệp am hiểu về thời gian phải khai báo và nộp thuế 3. Doanh nghiệp am hiểu về quy trình khai báo và nộp thuế 4. Doanh nghiệp am hiểu các quy định về chế độ miễn, giảm các loại thuế 5. Doanh nghiệp hiểu rõ các hình phạt phải chịu nếu không tuân thủ các quy định pháp luật về thuế	F. Inasius (2015), Nguyễn Thanh Phương Thảo (2017)
Công tác thanh tra – kiểm tra về thuế	1. Công tác thanh tra – kiểm tra về thuế được thực hiện thường xuyên 2. Công tác thanh tra – kiểm tra về thuế được thực hiện đúng quy định 3. Công tác thanh tra – kiểm tra về thuế được thực hiện nghiêm túc 4. Sau thanh tra – kiểm tra đã xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ pháp luật về thuế (phát hiện qua thanh tra, kiểm tra) một cách nghiêm túc	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017), Bùi Ngọc Toàn (2017), Phạm Thị Ngọc Dung và Lê Quốc Hiếu (2015)
Hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp	1. Doanh nghiệp luôn nộp thuế đầy đủ 2. Doanh nghiệp luôn nộp thuế đúng hạn 3. Doanh nghiệp luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về thuế	Nguyễn Thanh Phương Thảo (2017)

Thẩm định sơ bộ mô hình nghiên cứu và hệ thống thang đo các thành phần trong mô hình bằng thảo luận nhóm tập trung, thực hiện độc lập với 02 nhóm: Nhóm 1 gồm 07 người đại diện của 07 doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi (doanh nghiệp do cơ quan thuế của tỉnh Quảng Ngãi quản lý về thuế) và nhóm 2 gồm 05 cán bộ của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi; kết quả thảo luận cho thấy hầu hết các thành viên tham gia thảo luận của cả 02 nhóm nêu trên đều đồng ý với mô hình nghiên cứu đề xuất và hệ thống thang đo các thành phần trong mô hình nghiên cứu đề xuất. Do đó, tác giả giữ nguyên mô hình nghiên cứu đề xuất để đưa vào kiểm định thực nghiệm đối với các doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Hair và cộng sự (2006) thì kích thước mẫu tối thiểu trong phân tích nhân tố khám phá phải đạt 50 quan sát trở lên hoặc tốt hơn 100 quan sát trở lên và tỷ lệ số quan sát/số biến đo lường là 5/1 hay nói cách khác mỗi biến đo lường cần tối thiểu 5 quan sát. Nghiên cứu này sử dụng phân tích nhân tố khám phá đối với 29 biến đo lường nên kích thước mẫu tối thiểu cần đạt $29 \times 5 = 145$ quan sát. Bên cạnh đó, theo Tabachnick và Fidell (2007) thì kích thước mẫu tối thiểu trong hồi quy đa biến được xác định theo công thức: $N = 8 \times \text{Var} + 50$, với Var là số biến độc lập đưa vào mô hình hồi quy, N là số quan sát cần có. Nghiên cứu này phân tích hồi quy bội với 06 biến độc lập nên kích thước mẫu tối thiểu cần đạt là $6 \times 8 + 50 = 98$ quan sát. Cân nhắc khả năng về thời gian, chi phí thực hiện, tác giả dự kiến khảo sát đối với 450 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do cơ quan thuế của tỉnh quản lý về thuế, để hạn chế các hao hụt trong quá trình khảo sát nên phát ra 485 phiếu khảo sát; chọn mẫu thuận tiện. Sau đó,

thu về được 469 phiếu trả lời, trong đó có 464 phiếu trả lời hợp lệ để đưa vào phân tích dữ liệu.

3. Kết quả và đánh giá

3.1. Kết quả

Kết quả thống kê mô tả đặc điểm mẫu nghiên cứu cho thấy: Về loại hình doanh nghiệp có 26,08% là công ty cổ phần, 36,21% là công ty trách nhiệm hữu hạn, 36,21% là doanh nghiệp tư nhân, 1,50% là công ty hợp doanh; về lĩnh vực hoạt động kinh doanh có 37,28% sản xuất, chế biến thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 27,16% sản xuất thuộc lĩnh vực công nghiệp, 31,90% thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ, 3,66% thuộc lĩnh vực khác; về quy mô doanh nghiệp (phân loại quy mô theo số lượng lao động) có 6,89% là doanh nghiệp siêu nhỏ, 31,68% là doanh nghiệp nhỏ, 48,28% là doanh nghiệp vừa, 13,15% là doanh nghiệp lớn; về thời gian hoạt động của doanh nghiệp có 44,83% đã hoạt động dưới 05 năm, 35,34% đã hoạt động từ 5-10 năm và 19,83% đã hoạt động trên 10 năm.

Thực hiện đánh giá độ tin cậy thang đo các thành phần trong mô hình nghiên cứu bằng phân tích Cronbach's Alpha, kết quả cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các thành phần đều lớn hơn 0,6 (dao động từ 0,877 đến 0,988) và hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thuộc các thành phần này đều lớn hơn 0,3 nên thang đo các thành phần trong mô hình nghiên cứu đạt yêu cầu về độ tin cậy thang đo (Nunnally và cộng sự, 1994).

Tiến hành đánh giá giá trị thang đo (độ phân biệt và hội tụ) các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế trong mô hình nghiên cứu bằng phân tích nhân tố khám phá

(EFA), kết quả: $KMO = 0,901 > 0,5$ và mức ý nghĩa kiểm định ($Sig.$) = $0,000 < 0,05$ nên phân tích nhân tố là thích hợp; giá trị phương sai rút trích = $86,964 > 50\%$ nên phân tích EFA là phù hợp (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008); tại Eigenvalue = $1,207 (>1)$ các biến đo lường trích vào nguyên gốc tại 06 nhân tố và hệ số tải nhân tố của các biến đo lường đều lớn hơn 0,5 nên giữ lại tất cả 29 biến đo lường thuộc 06 nhân tố trong mô hình nghiên cứu để đưa vào phân tích hồi quy bội. Tiếp tục tiến hành phân tích

EFA đối với thang đo hành vi tuân thủ thuế, kết quả: $KMO = 0,724 > 0,5$ và mức ý nghĩa kiểm định ($Sig.$) = $0,000 < 0,05$ nên phân tích nhân tố là thích hợp; giá trị phương sai rút trích = $93,381 > 50\%$ nên phân tích EFA là phù hợp (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008); tại Eigenvalue = $2,801 (>1)$ các biến đo lường trích vào nguyên gốc tại 01 nhân tố và hệ số tải nhân tố của các biến đo lường đều lớn hơn 0,5 nên giữ lại tất cả 03 biến đo lường hành vi tuân thủ thuế để đưa vào phân tích hồi quy bội

Bảng 2. Tổng hợp kết quả đánh giá thang đo các thành phần

Chỉ tiêu	Thành phần						
	Chế tài khi không tuân thủ	Hệ thống chính sách thuế	Thuế suất	Năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế	Sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp	Công tác thanh tra – kiểm tra về thuế	Hành vi tuân thủ thuế
Số biến đo lường đưa vào phân tích	06	05	03	06	05	04	03
Cronbach's Alpha	0,968	0,988	0,984	0,988	0,881	0,877	0,965
Hệ số tải nhân tố của các biến đo lường dao động	0,832- 0,902	0,810- 0,885	0,924- 0,930	0,829- 0,931	0,787- 0,868	0,564- 0,837	0,948- 0,983

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả, 2021

Thực hiện phân tích hồi quy bội với mô hình hồi quy gồm các biến độc lập: Chế tài khi không tuân thủ, hệ thống chính sách thuế, năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế, sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp, công tác thanh tra – kiểm tra, thuế suất và biến phụ thuộc là hành vi tuân thủ thuế; kết

quả phân tích cho thấy mô hình không vi phạm các giả thuyết hồi quy bội và hệ số R^2 điều chỉnh bằng 88,3% và có 06 nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi, tổng hợp tại bảng 3.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả hồi quy bội

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số beta đã chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số				Chấp nhận	VIF
Hằng số	-0,197	0,078		-2,523	0,012		
Chế tài khi không tuân thủ	0,644	0,030	0,636	21,717	0,000	0,295	3,393
Năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế	0,184	0,024	0,174	7,654	0,000	0,487	2,054
Hệ thống chính sách thuế	0,172	0,027	0,149	6,276	0,000	0,447	2,240
Thuế suất	-0,098	0,019	-0,102	-5,132	0,000	0,646	1,548
Công tác thanh tra – kiểm tra về thuế	0,130	0,027	0,125	4,859	0,000	0,384	2,605
Sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp	0,040	0,017	0,043	2,326	0,020	0,733	1,364

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả, 2021

3.2. Đánh giá

Như vậy, kết quả phân tích cho thấy có 05 nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi, gồm: Chế tài khi không tuân thủ, năng lực hoạt động của cơ quan quản lý thuế, hệ thống chính sách thuế, công tác thanh tra – kiểm tra về thuế, sự hiểu biết về thuế của doanh nghiệp; nhân tố thuế suất có ảnh hưởng ngược chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp.

3.3. Kết luận

Trên cơ sở kết quả phân tích trên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị góp phần nâng

cao mức độ tuân thủ thuế của các doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến, gồm:

Một là, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền trong quản lý thuế cần tăng cường hiệu lực trong việc áp dụng các chế tài đối với các doanh nghiệp không tuân thủ thuế. Trong những năm gần đây, các quy định về các chế tài, hình phạt đối với hành vi không tuân thủ thuế tại Việt Nam đã được điều chỉnh, hoàn thiện hơn theo hướng tăng nặng các hình phạt (tăng mức tiền phạt và trách nhiệm hình sự); gần đây Chính phủ đã ban hành Nghị định 125/NĐ-CP ngày 19/10/2020 trong đó quy định hình phạt cho cả các hành

vi thông đồng, bao che cho việc không tuân thủ thuế của các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, việc phát hiện và xử lý đối với các doanh nghiệp có hành vi không tuân thủ thuế cũng như đối với các hành vi thông đồng, bao che cho việc không tuân thủ thuế còn thiếu nghiêm khắc, vẫn còn tồn tại nhiều mối quan hệ ngầm, nể nang, thiếu quyết liệt ... dẫn đến hành vi không tuân thủ thuế còn diễn ra phổ biến. Chính vì vậy, việc tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật, hiệu quả áp dụng các chế tài đối với hành vi không tuân thủ thuế sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao mức độ tuân thủ thuế của các doanh nghiệp.

Hai là, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý thuế. Thực tế, nhân lực tại các cơ quan quản lý thuế ở các địa phương không thiếu về số lượng cán bộ, viên chức. Tuy nhiên, về chất lượng nhân lực còn nhiều hạn chế cả về chuyên môn, tinh thần làm việc lẫn đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ. Do đó, trong thời gian đến cần nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý thuế thông qua nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức bằng việc đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, quán triệt và thúc đẩy tinh thần làm việc, kiên quyết xử lý nghiêm, đào thải những cán bộ, viên chức thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc hay có những hành vi vi phạm quy định trong thực hiện công vụ.

Ba là, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế. Hệ thống chính sách thuế cũng như các quy định liên quan đến thuế của Việt Nam hiện vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, còn nhiều lỗ hổng dẫn đến tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, chuyển giá ... của các doanh nghiệp diễn ra phổ biến hoặc chính các quy định về thuế còn nhiều bất cập gây ra những khó khăn cho doanh nghiệp. Vì thế, cần nhanh chóng nghiên cứu, không ngừng hoàn thiện các quy định điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực thuế theo hướng chặt chẽ, rõ ràng. Đồng thời, cần thường xuyên rà soát, tiếp thu

ý kiến của các doanh nghiệp và các chuyên gia để kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh đối với các quy định đã bộc lộ bất cập gây thất thoát nguồn thu từ thuế của Nhà nước cũng như gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra – kiểm tra về thuế. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác thanh tra – kiểm tra về thuế có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp. Trong những năm qua, qua công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đã phát hiện, đề nghị thu hồi số tiền trốn thuế, tránh thuế, gian lận thuế ... để nộp vào Ngân sách nhà nước và xử lý trách nhiệm đối với những tổ chức, cá nhân có hành vi không tuân thủ thuế. Qua đó góp phần chấn chỉnh, hạn chế tình trạng không tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Vì thế, trong thời gian đến cần tăng cường công tác thanh tra – kiểm tra về thuế, trong đó cần nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra, đồng thời tăng cường tính nghiêm minh trong xử lý các đối tượng có hành vi không tuân thủ thuế được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.

Năm là, các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu giảm thuế suất một số loại thuế cho doanh nghiệp trong điều kiện dịch bệnh (Covid 19) làm cho nền kinh tế nói chung, các doanh nghiệp nói riêng gặp khó khăn lớn trong những năm gần đây. Trong những năm gần đây, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng đã làm cho nền kinh tế nói chung cũng như hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các khó khăn về tài chính. Để hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động của doanh nghiệp, góp phần tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp trong tình hình này, cần nghiên cứu miễn, giảm một số loại thuế cũng như hạ thuế suất của một số loại thuế để góp phần tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp.

Sáu là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế cho các doanh nghiệp. Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế sẽ giúp các doanh

nh nghiệp nâng cao hiểu biết cũng như ý thức trong chấp hành các quy định về thuế. Từ đó, góp phần hạn chế các hành vi không tuân thủ thuế của các doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- F. Inasius (2015), Tax compliance of small and medium enterprises: Evidence from Indonesia, *Accounting & Taxation*, Vol 7, No. 1, 2015, pp. 67-73.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, *Nhà xuất bản Hồng Đức*, 2008.
- M. N. Thiga., W. Muturi (2015), *Factors that influence compliance with tax laws among Small and Medium sized Enterprises in Kenya*, *International Journal of Scientific and Research Publications*, Volume 5, Issue 6, June 2015.
- Phạm Thị Mỹ Dung và Lê Quốc Hiếu (2015), “Các yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của các doanh nghiệp”, *Tạp chí Tài Chính*, Số tháng 7/2015, trang 11-16.